TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 13/01/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Hiền

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2024/TLST - DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về vệc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 181/2024/QĐST–DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài P, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số B, đường số A, khu phố B, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1962; Địa chỉ: khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài P, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Do có quen biết và là người địa phương nên bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (Nguyễn Thị L (L1)) có tham gia chơi 02 dây hụi, do bà H làm chủ hụi gồm:

Dây hụi khui ngày 16/10/2019 (âl), loại hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 phần đến ngày 16/7/2021 (âl) là mãn, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (Nguyễn Thị L (Lăng)) tham gia chơi 02 phần. Bà L1 hốt kỳ hụi thứ nhất ngày 16/10/2019 được số tiền 80.000.000 đồng, trừ thảo 2.500.000 đồng, bà L1 thực nhận 77.500.000 đồng có lập biên nhận giao hụi. Sau đó, bà L1 có đóng lại 04 lần hụi chết vào các ngày (16/11/2019; 16/12/2019; 16/01/2020 và 16/02/2020), từ tháng 03/2020 thì ngưng không đóng lại hụi chết. Bà H phải tự bỏ tiền cá nhân để chèn phần hụi chết mà bà L1 phải có nghĩa vụ đóng lại cho các hụi viên khác với tổng số tiền là 80.000.000 đồng (tương đương với 16 phần còn lại, mỗi tháng 5.000.000 đồng, đóng đến ngày mãn hụi là ngày 16/6/2021). Vì vậy, phần hụi thứ nhất này bà L1 còn thiếu lại bà H 80.000.000 đồng. Đối với phần hụi thứ hai, bà L1 đóng hụi sống được 04 tháng (ngày 16/10/2019; 16/11/2019; 16/12/2019 và 16/01/2020) với tổng số tiền là 16.000.000 đồng. Đến ngày 16/02/2020, bà L1 hốt hụi được tổng số tiền 84.000.000 đồng, trừ thảo 2.500.000 đồng, bà L1 thực nhận 81.500.000 đồng. Đến qua tháng 3/2020, thì bà L1 không đóng lại hụi chết. Bà H phải tự bỏ tiền cá nhân để chèn phần hụi chết mà bà L1 phải đóng lại cho các hụi viên khác với tổng số tiền là 80.000.000 đồng (tương đương với 16 phần còn lại, mỗi tháng 5.000.000 đồng, đóng đến ngày mãn hụi là ngày 16/6/2021). Vì vậy, phần hụi thứ hai này bà L1 còn thiếu lại bà H 80.000.000 đồng. Tổng dây hụi được khui ngày 16/10/2019 mãn vào ngày 16/6/2021 mà bà L1 còn thiếu tiền của bà H là 160.000.000 đồng.

Dây hụi khui ngày 16/8/2021 (âl), loại hụi 5.000.000 đồng, gồm 21 phần đến ngày 16/4/2023 (âl) là mãn, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (Nguyễn Thị L) tham gia chơi 01 phần. Bà L hốt kỳ hụi thứ nhất ngày 16/8/2021 được số tiền 80.000.000 đồng, trừ thảo 2.500.000 đồng, bà L1 thực nhận 77.500.000 đồng có lập biên nhận giao hụi. Sau đó, bà có đóng lại 01 lần chết vào các ngày (16/9/2021), từ tháng 10/2021 thì ngưng không đóng lại hụi chết. Bà H phải tự bỏ tiền cá nhân để chèn phần hụi chết mà bà L phải đóng lại cho các hụi viên khác với tổng số tiền là 95.000.000 đồng (tương đương với 19 phần còn lại, mỗi tháng 5.000.000 đồng, đóng đến ngày

mãn hụi là ngày 16/4/2023). Vì vậy, dây hụi này bà L còn thiếu lại bà H 95.000.000 đồng.

Do bà H đã nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (tên khi ký các biên nhận nhận tiền hụi là Nguyễn Thị L1 (Lăn) để trả lại số tiền hụi bà H đã phải tự lấy tiền cá nhân của bà H để đóng ại hụi chết thay bà L1 (Lăn) cho các hụi viên khác cho đến khi mãn các đay hụi nhưng bà L1 (Lăn) hứa lần, hứa lượt không trả. Đồng thời, bà H1 tham gia các dây hụi và hốt hụi về để phát triển kinh tế gia đình cùng với chồng là ông Huỳnh Văn L2 điều biết.

Vì vậy, nay bà H làm đơn này kính gửi Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc: Bà Nguyễn Thị Mỹ H1 (tên khi ký các biên nhận nhận tiền hụi là Nguyễn Thị L1 (Lăn) cùng ông Huỳnh Văn L2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H tổng số tiền hụi còn thiếu là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng). Bà H không yêu cầu tính lãi."

*** Bị đơn bà H1 trình bày:**

Tôi có tên ngoài là L1, tôi có quen biết với bà H làm chủ hụi ở địa phương. Tôi có tham gia chơi huị với bà H nhiều lần nhiều năm và hiện nay còn nợ bà H 02 dây hụi như đại diện nguyên đơn đã trình bày và tôi thừa nhận còn nợ bà H tiền hụi là 255.000.000đ, tiền hốt hụi tôi sử dụng vào việc kinh doanh làm ăn ghe cộ đánh bắt hải sản của già đình. Nợ này chồng tôi ông L2 cũng biết và ông L2 cũng đồng ý cùng bà trả nợ cho bà H nhưng do ông L2 đang đánh bắt hải sản ngoài biển không về kịp. Nay tôi đại diện chồng tôi đồng ý nợ và đồng ý trả cho bà H.

Ý kiến đại diện nguyên đơn: Tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu vợ chồng bà H1, ông L2 cùng trả, nếu ông L2 đi biển chưa về kịp thì tôi đồng ý chờ ông L2 về hòa giải lại.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện Kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài P. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hoài P số tiền vay 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đến ngày tòa án xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Hoài P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Chứng cứ bà P giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là "*Giấy mượn nợ ngày 05 tháng 3 năm 2014"*. Bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P vì bà H cho rằng không có nợ bà P số tiền 200.000.000 đồng, trước đây chỉ có chốt nợ số tiền 93.000.000 đồng, nhưng bà H đã trả hết tiền nợ cho bà P, hiện không còn nợ bà P bất kỳ khoản tiền nào. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 22/7/2024, Tòa án tiến hành hòa giải thì bà H xác định chữ viết trong giấy mượn nợ mà bà P cung cấp cho Tòa án không phải chữ viết của bà, chữ ký tên, chữ viết ghi đầy đủ họ tên Nguyễn Thị H và dấu lăn tay (vân tay) bên dưới mục người mượn tiền cũng không phải của bà H nên bà H nộp đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định, đồng thời giao nộp các tài liệu, chứng cứ làm mẫu so sánh kèm theo đơn yêu cầu trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định số: 872/2024/KL - KTHS ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh B đã kết luận: Chữ ký mang tên "Nguyễn Thị H" dưới mục "Người mượn nợ" và chữ viết (trừ chữ viết "Ngày 5 tháng 3-2014" tại dòng 17, "Nguyễn Thị Hoài P" tại dòng 19 tính từ trên xuống) trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết mang tên "Nguyễn Thị H" trên mẫu so sánh (ký hiệu M2, M3) do cùng một người ký và viết ra. Vân tay mang tên "Nguyễn Thị H" dưới mục "Người mượn nợ" trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với vân tay mang tên "Nguyễn Thị H" trên mẫu so sánh (ký hiệu M1) là của cùng một người. Các mẫu so sánh như nêu trên: M2 là giấy nộp tiền ngày 21/8/2020 tại Ngân hàng A có chữ ký và chữ viết họ tên đầy đủ của khách hàng Nguyễn Thị H; mẫu so sánh M3 là giấy yêu cầu bảo hiểm bảo an tín dụng số: GYC + 20 + 1156718 ngày 21/8/2020 có chữ ký và chữ viết họ tên đầy đủ của bên mua bảo hiểm Nguyễn Thị H. Đây đều là các tài liệu, chứng cứ do người đại diện theo ủy quyền của bà H giao nộp cho Tòa án kèm theo đơn yêu giám định của bà H. Đối với mẫu so sánh M1 là biên bản của Tòa án về việc tiến hành lấy mẫu chữ ký, chữ viết và dấu vân tay đối với bà Nguyễn Thị H ngày 11/9/2024. Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 09/5/2024

của Ủy ban nhân dân thị trấn B: "Ý kiến của bà Nguyễn Thị H trình bày là trước đây tôi cũng có mượn bà P số tiền để làm ăn mượn nhiều lần nên số tiền lên đến 200.000.000 đồng nhưng hiện nay tôi gặp khó khăn chưa có khả năng trả hết số tiền cho bà P nên tôi xin trả dần nhiều lần số tiền trả dần từ 500.000 đồng mỗi tháng trở lên nếu có nhiều thì trả nhiều". Tại giấy chốt nợ mang tên "*Giấy mượn nợ ngày 05 tháng 3 năm 2014"* bà H hứa sẽ trả lại tiền cho bà P trong vòng 05 tháng kể từ ngày 05/3/2014, nhưng đến nay bà H vẫn không thực hiện.

Từ những căn cứ trên, đủ cơ sở xác định bà H có vay của bà P số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) đến nay chưa thanh toán cho bà P. Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu bà H trả tiền lãi suất đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng (giám định) trong vụ án: 5.250.000đ (năm triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng), do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận toàn bộ nên bà H phải chịu và đã thanh toán xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 10.000.000đ (Mười triệu đồng), do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận toàn bộ nên bà H phải có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 39, 147, 161, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 116, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài P. Buộc bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hoài P số tiền vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về chi phí tố tụng (giám định) trong vụ án: 5.250.000đ (năm triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng), do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận toàn bộ nên bà H phải chịu và đã thanh toán xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp số tiền án phí là: 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hoài P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0001249 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện B;*
- *Chi cục THADS huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Văn Lâm